

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NĂNG LỰC DẠY HỌC CỦA GIẢNG VIÊN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TRỊNH THÚY GIANG* - NGUYỄN THU ANH**

Ngày nhận bài: 28/05/2016; ngày sửa chữa: 01/06/2016; ngày duyệt đăng: 02/06/2016.

Abstract: To enhance the quality of higher education, meeting fundamental and comprehensive education reform in Vietnam today, improvement of teaching capacity of lecturers at universities is required. This paper analyzes the characteristics, requirements of teaching activities of lecturers at university and points out factors affecting teacher's capacity of teaching in order to help institutions of higher education to assess teaching ability of lecturers. This is also the basic to find out solutions to improve the quality of higher education in Vietnam today.

Keywords: Teaching capacity, teaching ability, university lecturers.

Luật Giáo dục đại học (GDĐH) Việt Nam đã chỉ rõ: Nhà giáo giảng dạy ở cơ sở GDĐH được gọi là giảng viên (GV) [9]. GV ở các cơ sở GDĐH hiện nay là những người tốt nghiệp ngành sư phạm hoặc ngoài ngành sư phạm ở các cơ sở GDĐH khác nhau, do đó, sự không đồng đều về năng lực nghiệp vụ sư phạm trong đội ngũ GV là một tất yếu. Thực hiện đổi mới cơ bản và toàn diện GDĐH Việt Nam giai đoạn 2006-2020 đã đặt ra vấn đề phải nâng cao chất lượng GDĐH. Giải pháp quan trọng cho vấn đề này là nâng cao chất lượng đội ngũ GV, trong đó vấn đề cốt lõi là nâng cao năng lực dạy học của GV ở các cơ sở GDĐH [1]. Quá trình hình thành và phát triển năng lực sư phạm nói chung và năng lực dạy học nói riêng của GV được bắt đầu từ khi họ còn là sinh viên (SV) ở các trường đại học, cho đến khi họ trở thành GV và tham gia vào quá trình giảng dạy, đào tạo tại các cơ sở GDĐH. Việc nghiên cứu nâng cao năng lực dạy học của GV sẽ thực sự có hiệu quả nếu quan tâm nghiên cứu quá trình học tập khi họ còn là SV, bởi đây chính là xuất phát điểm, là nền tảng cho việc phát triển năng lực dạy học cho GV trong quá trình giảng dạy sau này.

1. Quá trình học tập với tư cách là SV

1.1. SV các ngành ngoài sư phạm là những SV theo học các ngành không thuộc khối sư phạm. Mục tiêu đầu ra của những ngành học này không nhằm trở thành những giáo viên phổ thông hoặc giảng viên đại học (GVĐH). Tuy nhiên, trong số những SV tốt nghiệp, có một tỉ lệ nhất định lại trở thành GV tại các cơ sở GDĐH. Không phải ngẫu nhiên mà những SV đó lại có thể trở thành GV, khi chương trình đào tạo mà họ theo học không đi chuyên sâu về khoa học

giáo dục, không chuyên sâu về đào tạo nghiệp vụ sư phạm. Vậy, để trở thành GVĐH, những SV này cần đáp ứng được những yêu cầu gì và quá trình học tập, rèn luyện, phấn đấu của họ cần diễn ra như thế nào trong các nhà trường đại học. Đây là vấn đề cần được xem xét và nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ GVĐH nói chung và ở các cơ sở đào tạo giáo viên trình độ đại học nói riêng hiện nay.

1.1.1. Quá trình học tập của SV ngành ngoài sư phạm mang những đặc điểm sau đây [4]: 1) Quá trình học tập là quá trình chuẩn bị trở thành chuyên gia trong các lĩnh vực khoa học mà họ theo học; 2) Mục đích của việc học là nhằm trở thành người lao động có kĩ năng cao và sáng tạo trong lĩnh vực nghề tương ứng; 3) Đối tượng và nội dung học tập là hệ thống tri thức, kĩ năng cơ bản có tính hệ thống và tính khoa học của một lĩnh vực khoa học - công nghệ nhất định; 4) Phương pháp học tập của SV chủ yếu là tự nghiên cứu các tài liệu khoa học, tự khám phá một cách tự giác, tích cực, độc lập và sáng tạo cùng với tư duy phê phán và biện chứng. Sự thành công của việc học sẽ đến với những SV có tính tự giác, tự lực cao trong quá trình học tập và nghiên cứu; 5) Động cơ học tập của SV có sự phân hóa và đa dạng nhằm thỏa mãn nhu cầu học tập khác nhau của SV. Các nhóm động cơ học tập của SV bao gồm [3]: - **Động cơ nhận thức khoa học:** Động cơ này xuất hiện ở những SV có nhu cầu hiểu biết, tích lũy tri thức và nâng cao nhận thức khoa học. Biểu hiện ở những SV này là học tập say mê, hứng thú với các vấn đề khoa học và khao

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

** Trường Đại học Sư phạm Thể dục, thể thao Hà Nội

khát khám phá tri thức mới; - *Động cơ nghề nghiệp*: Phần lớn SV đều có động cơ học tập này vì nhu cầu nghề nghiệp. Họ luôn ý thức được việc học là để có kĩ năng nghề nghiệp, chuẩn bị cho cuộc sống và tương lai sau này; - *Động cơ học vì giá trị xã hội*: SV có động cơ này là học tập nhằm vì những giá trị xã hội của việc học mang lại: học do ý thức trách nhiệm công dân; mong muốn được cống hiến cho xã hội; - *Động cơ tự khẳng định*: Thuộc nhóm động cơ này là những SV ý thức được năng khiếu, sở trường của mình và mong muốn được khẳng định chúng trước người khác.

Những động cơ trên đều có giá trị thúc đẩy hoạt động học tập của SV nhưng ở mức độ khác nhau tùy theo từng thời điểm và từng nhóm đối tượng SV khác nhau. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của SV như: Nội dung tri thức khoa học, phương pháp dạy học (PPDH) của GV, ý thức của SV về giá trị của việc học.

1.1.2. Các hoạt động khác của SV. Ngoài hoạt động học tập nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học, hầu hết SV còn tích cực tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, hoạt động thể thao, văn hóa, văn nghệ [3]. Hoạt động chính trị - xã hội là biểu hiện sự trưởng thành về mặt xã hội của SV. Hầu hết SV hứng thú và nhiệt tình tham gia các hoạt động chính trị - xã hội trong và ngoài nhà trường. Các hoạt động này của SV có giá trị to lớn đối với đời sống xã hội và cộng đồng. Bên cạnh hoạt động chính trị - xã hội, SV còn rất tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch. Tham gia các hoạt động này, SV có điều kiện để học tập, thể hiện và khẳng định mình, đồng thời là cơ hội để giao lưu, kết bạn nhằm thỏa mãn nhu cầu tình bạn, tình yêu và các nhu cầu tinh thần khác. Một hoạt động đặc biệt ngày càng thu hút SV tham gia là hoạt động lao động có thu nhập kinh tế. Hoạt động này xuất phát từ những động cơ khác nhau: do nhu cầu được hiểu biết thêm các vấn đề xã hội, các vấn đề nghề nghiệp hoặc do nhu cầu thu nhập kinh tế. Đó là những nhu cầu tất yếu của SV hiện nay. Tuy nhiên, cần có sự khuyến cáo đối với SV nếu hoạt động này có ảnh hưởng nhiều đến quá trình học tập của họ.

Được sống trong xã hội với những thành tựu to lớn của khoa học công nghệ, SV ngày nay, nhìn chung có vốn kinh nghiệm sống, có trình độ nhận thức phát triển hơn SV ở các thời kì trước, nên trong quá trình học tập, SV luôn có nhu cầu nhận thức vượt ra khỏi nội dung tri thức trong chương trình quy định, muốn tìm kiếm kiến thức mới, muốn được mở rộng, đào sâu tri thức, muốn phát hiện và giải quyết vấn đề bằng nhiều cách, muốn vận dụng những hiểu biết của mình

vào thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống để kiểm nghiệm những điều đã học.

Như vậy, với những đặc điểm trên của quá trình học tập của SV ngành ngoài sư phạm, sau khi tốt nghiệp, SV có thể đảm đương được các vai trò: là chuyên gia, là nhà quản lí trong lĩnh vực nghề nghiệp mà họ đã theo học, là nhà hoạt động xã hội. Nhưng, một điều tất yếu là SV ngành ngoài sư phạm không thể trở thành nhà giáo dục, nhà quản lí giáo dục và nhà văn hóa vì quá trình học tập của họ không hướng tới điều này và chương trình đào tạo mà họ được nghiên cứu không có khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Tuy nhiên, có những SV, sau khi tốt nghiệp được giữ lại trường làm GV hoặc có thể được tuyển dụng làm GV tại các cơ sở GD-ĐT khác, nhất định những SV này cần phải được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm theo chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho GV của Bộ GD-ĐT ban hành, cũng như phải tiếp tục phát triển năng lực sư phạm, năng lực dạy học của bản thân trong quá trình giảng dạy với tư cách là GV sau này.

1.2. SV ngành sư phạm (SVSP) là những SV theo học tại các cơ sở giáo dục có đào tạo ngành sư phạm hoặc có chức năng đào tạo giáo viên. Sau khi tốt nghiệp từ các cơ sở giáo dục này, SV trở thành giáo viên dạy học tại các trường phổ thông. Vì thế, quá trình học tập của những SV này đương nhiên có những đặc điểm khác với quá trình học tập của SV ngành ngoài sư phạm.

Đặc điểm của quá trình học tập của SVSP hiện nay [10]: 1) Quá trình học tập của SVSP là quá trình chuẩn bị trở thành nhà giáo dục trong tương lai; 2) Mục đích của việc học là nhằm trở thành giáo viên trong xã hội hiện đại, thực hiện đầy đủ 4 chức năng là nhà giáo dục, nhà nghiên cứu khoa học, nhà quản lí giáo dục, là nhà hoạt động xã hội và văn hóa; 3) Đối tượng và nội dung học tập là hệ thống tri thức, kĩ năng của khoa học cơ bản và khoa học giáo dục, mang tính khoa học, hệ thống và hiện đại; 4) Học tập của SVSP mang tính chất tự nghiên cứu, tự trải nghiệm và khám phá một cách tự giác, tích cực, độc lập và sáng tạo, gắn liền việc học tập trên lớp với thực hành, thực tập sư phạm tại các trường phổ thông; 5) Động cơ học tập của SVSP cũng có sự phân hóa và đa dạng nhằm thỏa mãn nhu cầu học tập khác nhau của SV. Các nhóm động cơ học tập của SVSP cũng bao gồm: động cơ nhận thức khoa học; động cơ nghề nghiệp; động cơ học vì giá trị xã hội; động cơ tự khẳng định, trong đó, động cơ nghề nghiệp chiếm ưu thế hơn cả vì đã được SV xác định rõ ràng khi lựa chọn học ngành sư phạm.

Ngoài hoạt động học tập nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học, SVSP còn tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, hoạt động thể thao, văn hóa, văn nghệ. Việc tham gia tích cực các hoạt động này là hết sức cần thiết đối với SVSP nhằm phát triển toàn diện nhân cách của giáo viên phổ thông và đảm nhận được 4 chức năng như đã nêu trên.

2. Quá trình giảng dạy với tư cách là GV

2.1. Đặc điểm hoạt động dạy học của GV. Căn cứ vào đặc điểm hoạt động dạy học nói chung, đồng thời căn cứ vào đặc điểm hoạt động học tập của SV, hoạt động dạy học của GV có những đặc điểm sau: - Hoạt động có mục tiêu rõ ràng, nhằm giúp cho SV đạt được mục tiêu của bài học, của môn học, khóa học, ngành học; - Hoạt động có nội dung, chương trình, kế hoạch cụ thể. Điều này được thể hiện ở việc trước khi lên lớp, GV phải có kế hoạch bài giảng, đề cương bài giảng để dạy học dựa trên chương trình môn học, chương trình đào tạo của ngành học, của khóa học; - Hoạt động có mối quan hệ biện chứng với hoạt động học tập - nghiên cứu của SV. Thông qua hoạt động dạy học của GV, chương trình đào tạo được thực hiện và chuyển tải tới SV, qua đó giúp cho SV đạt được mục tiêu học tập của từng bài học hoặc toàn khóa đào tạo. Hoạt động dạy học của GV không chỉ hướng đến việc hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp cho SV mà còn giúp SV tự tổ chức hoạt động học tập - nghiên cứu và phát huy tích tính cực, sáng tạo nhận thức cho họ; - Hoạt động mang tính chất định hướng, điều phối hoạt động học tập của SV và thể hiện rõ nét vai trò chủ đạo của GV; - Hoạt động dạy học của GV không thể thiếu việc sử dụng các phương tiện, thiết bị phục vụ cho việc dạy học như: ngôn ngữ, các phương tiện nghe nhìn, mô hình, tài liệu...; - Hoạt động được tổ chức với nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với việc học tập - nghiên cứu mang tính linh hoạt, sáng tạo của SV; - Hoạt động được diễn ra trong môi trường sư phạm: môi trường tâm lý - xã hội; môi trường tự nhiên; môi trường vật chất (lớp học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, xưởng sản xuất)... đảm bảo các tiêu chuẩn cho việc dạy và học; - Kết quả hoạt động dạy học được đánh giá thông qua kết quả hoạt động học tập của SV.

Với những đặc điểm trên của hoạt động dạy học của GV, đã đặt ra vấn đề cần xác định những yêu cầu đối với quá trình giảng dạy của GV.

2.2. Yêu cầu đối với quá trình giảng dạy của GV

2.2.1. Yêu cầu chung đối với người GV đại học hiện nay. Hội nghị quốc tế về GDĐH thế kỷ XXI đã nêu lên những yêu cầu đối với một GVĐH như: 1) Có

kiến thức và sự thông hiểu về các cách học khác nhau của SV; 2) Có kiến thức và năng lực theo dõi, đánh giá SV nhằm giúp họ tiến bộ; 3) Tự nguyện hoàn thiện bản thân trong ngành nghề của mình. Biết ứng dụng những tiêu chí nghề nghiệp và luôn cập nhật những thành tựu mới nhất; 4) Biết ứng dụng những kiến thức về công nghệ thông tin vào môn học, ngành học của mình; 5) Có khả năng nhận biết được những tín hiệu của "thị trường" bên ngoài về nhu cầu của giới chủ đối với người tốt nghiệp; 6) Làm chủ được những thành tựu mới về dạy và học, từ dạy học trực tiếp đến dạy học từ xa; 7) Chú ý đến những quan điểm và mong ước của "khách hàng"; 8) Hiểu được những tác động của những nhân tố quốc tế và đa văn hóa đối với những chương trình đào tạo; 9) Có khả năng dạy những nhóm SV khác nhau về độ tuổi, môi trường KT-XH, dân tộc... và biết cách làm việc với số giờ nhiều hơn trong một ngày; 10) Có khả năng bảo đảm các giờ giảng chính khóa, seminar hoặc tại xưởng với một số lượng SV đông hơn; 11) Có khả năng hiểu được những "chiến lược thích ứng" về nghề nghiệp của các cá nhân; 12) Có khả năng nghiên cứu khoa học và khả năng thích ứng; 13) Có khả năng thiết kế, thực hiện và quản lý những dự án.

Với sự thay đổi trên, cần phải nâng cao chất lượng đội ngũ GV, coi trọng việc phát triển năng lực dạy học, đồng thời GV cần thực hiện những yêu cầu của quá trình giảng dạy.

2.2.2. Yêu cầu của quá trình giảng dạy của GV.

Từ những đặc điểm của hoạt động dạy học của GV, yêu cầu đối với GV hiện nay, những yêu cầu đối với quá trình giảng dạy của GV được xác định là: - Nắm vững đặc điểm đối tượng SV, đặc điểm hoạt động học tập của họ và đặc trưng của ngành học của SV theo học nhằm chuẩn bị cho việc giảng dạy phù hợp; - Cần xây dựng một kế hoạch, chương trình dạy học môn học mà GV phụ trách, đồng thời xây dựng lộ trình giảng dạy và phát triển chuyên môn; - Lựa chọn đúng và đủ nội dung dạy học cần thiết mà SV cần nắm vững; - Lựa chọn hợp lý các PPDH hiện đại để dạy học; - Biết cách tổ chức không gian hoạt động dạy học và xây dựng môi trường phù hợp với hoạt động học tập - nghiên cứu của SV và phù hợp cho quá trình giảng dạy; - Sử dụng được các phương tiện kỹ thuật dạy học hiện đại nhằm hỗ trợ và nâng cao chất lượng giờ dạy; - Tổ chức được hoạt động dạy học với nhiều hình thức khác nhau: ở trên lớp, tại phòng thí nghiệm, tại xưởng thực hành, xưởng sản xuất; - Đánh giá được quá trình học tập - nghiên cứu của SV và tự đánh giá được quá trình giảng dạy nhằm điều chỉnh kịp thời quá trình dạy học đại học, và làm cơ sở cho việc phát

triển chuyên môn, năng lực sư phạm; - Quản lý được hoạt động học tập của SV và tự quản lý hoạt động giảng dạy của bản thân; - Có thể tham vấn nghề nghiệp cho SV hoặc những vấn đề liên quan đến học tập và các vấn đề xã hội khác.

3. Các yếu tố tác động đến sự phát triển năng lực dạy học của GV

3.1. Các yếu tố khách quan: - Sự phát triển KT-XH, bối cảnh văn hóa - giáo dục của Việt Nam. Bối cảnh này dẫn tới sự thay đổi trong định hướng phát triển năng lực sư phạm cho GV và đặt ra những yêu cầu của năng lực dạy học của GV ở Việt Nam; - Xu thế phát triển GDĐH trên thế giới. Cùng với xu thế chung của GDĐH thế giới, GDĐH Việt Nam cũng phải thay đổi và phát triển theo sự phát triển của GDĐH thế giới, trong đó đặt ra những yêu cầu mới về vị trí, vai trò chức năng của GV cũng như yêu cầu mới về phẩm chất, năng lực của GV trong nền giáo dục hiện đại; - Điều kiện tài chính và cơ sở vật chất phục vụ cho quá trình đào tạo nói chung và quá trình phát triển năng lực nói riêng cho GV. Yếu tố này ảnh hưởng không nhỏ đến việc hình thành và phát triển năng lực dạy học cho GV. Nếu với điều kiện tài chính, cơ sở vật chất thiếu thốn, việc phát triển năng lực cho GV sẽ gặp nhiều khó khăn nhất định; - Các tài liệu tự bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cho GV là không thể thiếu cho việc phát triển năng lực sư phạm, năng lực dạy học cho GV; - Sự đồng đều hoặc không đồng đều về kĩ năng dạy học của GV giữa các khoa trong cơ sở GDĐH cũng là một trong yếu tố khách quan ảnh hưởng tới quá trình phát triển năng lực dạy học cho GV. Sự không đồng đều về kĩ năng dạy học của GV sẽ dẫn tới sự cần thiết phải phân hóa trình độ, năng lực và các biện pháp phát triển năng lực cho GV; - Quá trình đào tạo ở các cơ sở GDĐH của GV khi họ còn là SV chính là nền tảng quan trọng cho sự phát triển năng lực sư phạm và năng lực dạy học cho GV sau này. Chẳng hạn, với những SV ngành ngoài sư phạm đương nhiên sẽ có sự thiếu hụt về nghiệp vụ sư phạm và những kĩ năng sư phạm nền tảng, sẽ là khó khăn hơn và lâu hơn cho quá trình phát triển năng lực dạy học sau này khi họ trở thành GV; - Cơ chế, chính sách phát triển giáo dục, phát triển năng lực đội ngũ GV, đảm bảo chất lượng giảng dạy có vai trò như là yêu cầu mang tính pháp chế cho việc phát triển năng lực dạy học cho GV.

3.2. Các yếu tố chủ quan: - Mức độ trải nghiệm thực tiễn của GV có ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành và phát triển năng lực dạy học của chính họ. Trải nghiệm thực tiễn bằng cách tham gia tích cực vào quá trình dạy học và các hoạt động khác, giúp cho GV thể hiện năng lực bản thân và tự hoàn thiện và nâng

cao năng lực dạy học cho mình; - Kĩ năng dạy học của GV và mức độ năng lực ban đầu là căn cứ quan trọng cho việc đánh giá và phân định mức độ phát triển năng lực dạy học cho GV; - Sự hiểu biết về PPDH và cách sử dụng chúng hiệu quả của GV được coi như là yếu tố then chốt cho việc đánh giá và nâng cao năng lực dạy học cho GV. Thông qua việc lựa chọn và sử dụng các PPDH học của GV, thấy rõ được năng lực dạy học của họ; - Kĩ năng sử dụng các phương tiện dạy học và kĩ năng khai thác thông tin của GV cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến việc tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực nghiệp vụ sư phạm của GV. GV nếu thiếu kĩ năng này sẽ hạn giảm hiệu quả giảng dạy và quá trình phát triển năng lực dạy học sẽ bị chậm lại; - Sự trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm giữa các đồng nghiệp có tác dụng giúp GV tích lũy thêm kinh nghiệm dạy học, thúc đẩy việc tự hoàn thiện và phát triển năng lực sư phạm cho GV.

* * *

Việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển năng lực dạy học của GV có ý nghĩa rất lớn đối với việc xác định các biện pháp phát triển năng lực dạy học cho GV sẽ được trình bày ở những chương tiếp theo. Như vậy, việc nghiên cứu về năng lực dạy học của GV và quá trình hình thành và phát triển năng lực đó giúp cho các cơ sở GDĐH nhìn nhận và đánh giá năng lực của GV, từ đó có những giải pháp nâng cao chất lượng GDĐH Việt Nam hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2005). *Đề án đổi mới giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020*.
- [2] Nguyễn Văn Cường - Bernd Meier (2014). *Lí luận dạy học hiện đại*. NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Nguyễn Văn Đồng (2007). *Tâm lí học phát triển*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [4] Trần Khánh Đức (2010). *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực thế kỉ XXI*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] Phạm Minh Hạc - Đặng Bá Lâm - Nghiêm Đình Vỹ (2002). *Giáo dục Việt Nam trước ngưỡng cửa thế kỉ XXI*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [6] Đặng Vũ Hoạt - Hà Thị Đức (1997). *Lí luận dạy học đại học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [7] Vũ Xuân Hùng (2012). *Dạy học hiện đại và nâng cao năng lực dạy học cho giáo viên*. NXB Lao động xã hội.
- [8] Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2004). *Một số vấn đề về giáo dục đại học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [9] Quốc hội (2012). Luật số 08/2012/QH13. *Luật Giáo dục đại học*.
- [10] Phạm Thành Nghị (2008). *Tâm lí học sư phạm đại học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [11] Institute of International Education (2013). *Building research and teaching capacity in Indochina through international collaboration*. Reported by Flavia Ramos - Mattoussi, Jeffrey Ayala Milligan.